TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/DS-ST
Ngày: 05-9-2017.

"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chí Công.

Bà Quang Kim Cúc.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Thành Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST-DS, ngày 23/5/2017, "V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐST-DS ngày 14/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số nhà 778B/3, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Ngọc Đ, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà 425A/6, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/5/2017, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/6/2017, ngày 28/7/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị H trình bày:

Vào ngày 25/02/2017 (âm lịch), chị Phạm Thị H có cho chị Trần Thị Ngọc Đ vay số tiền 125.000.000 đồng, thời hạn vay thỏa thuận một tháng sẽ trả vốn, lãi. Lãi suất thỏa thuận miệng là 5%/tháng, có làm biên nhận, biên nhận do chị H viết và chị Đ ký tên. Tuy nhiên, đến nay chị Đ vẫn chưa trả vốn và lãi cho chị H. Tại phiên tòa, chị H rút một phần yêu cầu đối với số tiền 25.000.000đồng

vì chị H cho rằng số tiền 125.000.000đ chị Đ vay để thuê đất làm vườn nhưng do làm ăn thua lỗ không có khả năng chi trả nên chị Đ bớt cho chị Đ 25.000.000 đồng. Nay chị H chỉ yêu cầu chị Đ trả cho chị H vốn 100.000.000 đồng, lãi không yêu cầu.

Theo Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 22/6/2017, ngày 28/7/2017, Tờ tường trình ngày 13/6/2017 và tại phiên tòa bị đơn Trần Thị Ngọc Đ trình bày:

Vào năm 2013, chị Trần Thị Ngọc Đ có vay tiền của chị Phạm Thị H số tiền 40.000.000 đồng, không có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận 2.000.000 đồng/40.000.000 đồng/tháng. Sau đó, chị Đ trả lãi nhiều lần cho chị H được khoảng 40.000.000 đồng, nhưng không nhớ rõ ngày tháng và không có làm biên nhận đối với số tiền mà chị Đ trả lãi cho bà H. Đến năm 2015, chị H mới buộc chị Đ ký vào biên nhận với số tiền là 85.000.000 đồng (tiền vốn và lãi của số tiền 40.000.000 đồng), do lo sợ nên chị H đồng ý ký vào biên nhận. Tiếp đó, chị Đ đóng lãi cho chị H mỗi tháng là 4.200.000 đồng/85.000.000 đồng/tháng và chị Đ đóng lãi được vài lần được khoảng 20.000.000 đồng thì chị Đ không có khả năng trả lãi tiếp. Đến tháng 9/2016, do chị H đe dọa và ép buộc chị Đ ký vào biên nhận với số tiền 100.000.000 đồng (tiền vốn và lãi của số tiền 85.000.000 đồng), với số tiền lãi 5.000.000 đồng/100.000.000 đồng/tháng và chị Đ tiếp tục trả lãi được vài lần nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu. Do chị Đ không có khả năng trả lãi và do sự ép buộc của chị H nên chị Đ đã ký tên vào biên nhận ngày 25/02/2017 (âm lịch) mà chị H đã viết sẵn với nội dung chị H có vay của chị Đ vốn 125.000.000 đồng. Thật sự chị H không có nhận số tiền 125.000.000 đồng của chị H. Tổng cộng chị Đ đóng lãi cho chị H với số tiền hơn 60.000.000 đồng. Do vậy, chị Đ không đồng ý trả cho chị H số tiền 125.000.000 đồng mà chỉ đồng ý trả 50.000.000 đồng cho chị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy, việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn Phạm Thị H với bị đơn Trần Thị Ngọc Đ là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản theo tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, việc chị Trần Thị Ngọc Đ vay số tiền 125.000.000 đồng của chị Phạm Thị H được thể hiện thông qua biên nhận ngày 25/02al/2017 do chị H viết, có chữ ký tên của chị Đ và được chị Đ thừa nhận đúng là chữ ký của mình. Tuy nhiên, chị Đ cho rằng, chị Đ chỉ vay số tiền

40.000.000 đồng của chị H vào năm 2013 và đã trả lãi nhiều lần với số tiền là 40.000.000 đồng; đến 2015, do bị ép buộc nên chị Đ mới ký vào biên nhận với số tiền là 85.000.000 đồng và tiếp tục trả lãi được vài lần được 20.000.000 đồng; đến tháng 9/2016, cũng do bị ép buộc nên chị Đ tiếp tục ký vào biên nhận với số tiền 100.000.000 đồng thì chị Đ không có khả năng trả lãi tiếp, nên đến tháng 02/2017 chị H mới viết biên nhận với số tiền nợ là 125.000.000 đồng và ép buộc chị Đ ký vào biên nhận. Thế nhưng, Tòa án đã yêu cầu chị Đ cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ hoặc người làm chứng đã chứng kiến việc chị Đ đã trả lãi nhiều lần cho chị H tổng cộng hơn 60.000.000 đồng hoặc người làm chứng cho việc chị H có hành vi đe dọa, cưỡng ép làm cho chị Đ phải ký tên vào biên nhận ngày 25/02al /2017 và hơn nữa để chứng minh cho việc phản đối của chị Đ là có căn cứ và hợp pháp. Tuy nhiên, đến nay chị Đ vẫn không cung cấp được và cũng không có chứng cứ gì khác để chứng minh cho việc phản đối của mình là có căn cứ và hợp pháp. Ngược lại, chị H cung cấp cho Tòa án biên nhận ngày 25/02al/2017 thể hiện người vay tiền là chị Trần Thị Ngọc Đ, số tiền vay là 125.000.000 đồng, thời hạn vay là một tháng và chị Đ cũng thừa nhận chữ ký tên trong biên nhận chính là chữ ký tên của chị Đ. Cho nên, có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về lãi suất: Do bà Phạm Thị H không yêu cầu lãi suất, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn Phạm Thị H rút một phần yêu cầu đối với số tiền 25.000.000 đồng là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị H được chấp nhận toàn bộ, cho nên bị đơn Trần Thị Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Trần Thị Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị H vốn vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị H đối với số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

3. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Chị Trần Thị Ngọc Đ phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị H số tiền 3.125.000 đồng (ba triệu, một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 12684, ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (05/9/2017).

5. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Hoa Lư